

Bản án số: 75/2024/HS-ST

Ngày 26-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng An Thanh.

Thẩm phán: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Bà Trần Thị Đẹp.

Ông Trần Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Minh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quốc T sinh ngày 10 tháng 5 năm 1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số F, Đường số A, Tổ B, Khu phố C, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T1 và bà Bùi Thị Minh H; có vợ là bà Đoàn Ngọc P; có 01 con (sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: có 04 tình tiết về nhân thân (ngày 26 tháng 10 năm 2001, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (Bản án hình sự sơ thẩm số 229/HS.ST), ngày 19 tháng 5 năm 2003 chấp hành xong hình phạt, thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí ngày 09 tháng 8 năm 2005, đã được xóa án tích; ngày 19 tháng 01 năm 2006, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2006/HSST), ngày 28 tháng 3 năm 2006 chấp hành xong hình phạt, thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí ngày 13

tháng 02 năm 2006, đã được xóa án tích; ngày 15 tháng 3 năm 2010, bị Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 67/QĐ-UBND về việc đưa người vào Cơ sở chữa bệnh trong thời hạn 24 tháng vì hành vi sử dụng chất ma túy, ngày 07 tháng 3 năm 2012 hoàn thành thời gian cai nghiện tập trung; ngày 03 tháng 6 năm 2013, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Bản án hình sự sơ thẩm số 135/2013/HSST), ngày 24 tháng 10 năm 2018 chấp hành xong hình phạt, thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí ngày 25 tháng 8 năm 2014, đã được xóa án tích); bị bắt, tạm giam từ ngày 20 tháng 6 năm 2023 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

2. Lương Văn M sinh ngày 02 tháng 4 năm 1986 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Bản P, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn S và bà Lo Thị L; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 20 tháng 6 năm 2023 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

3. Kha Văn M1 sinh ngày 20 tháng 7 năm 1989 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kha Văn Q và bà Quang Thị D; có vợ là bà H-Tí Sar dong; có 02 con (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 20 tháng 6 năm 2023 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T:* không (tại các biên bản ngày 17 tháng 10 năm 2023 (bút lục số 205 và 206), bị cáo Nguyễn Quốc T trình bày không yêu cầu ông Võ Minh T2 là Luật sư thuộc Văn phòng L1 - Đoàn Luật sư tỉnh B bào chữa để bị cáo tự bào chữa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn M:* Ông Phạm Huy Đ là Luật sư thuộc Công ty L2 - Đoàn Luật sư tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Kha Văn M1:* Ông Nguyễn Bùi An B là Luật sư thuộc Công ty L3 - Đoàn Luật sư tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Ngọc Tú K sinh năm 1983; nơi cư trú: Số F, Đường số A, Tổ B, Khu phố C, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

2. Bà Đoàn Ngọc P sinh năm 1981; nơi cư trú: Số D, đường Đ, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo T, M, M1 và người đàn ông tên là Nguyễn Văn G (không rõ nhân thân, lai lịch và địa chỉ) thường sử dụng trái phép chất ma túy. Đối tượng D1 (không rõ tên đầy đủ nhân thân, lai lịch và địa chỉ) thường gặp bị cáo T tại nơi ở của bị cáo T, nếu bị cáo T cần mua ma túy đối tượng D1 sẽ đưa bị cáo T 01 SIM điện thoại để bị cáo T gắn vào máy điện thoại di động của bị cáo T rồi gọi cho đối tượng C (không rõ tên đầy đủ nhân thân, lai lịch và địa chỉ) bàn việc mua ma túy. Khi bị cáo T nói điện thoại với đối tượng C xong, đối tượng D1 lấy lại SIM điện thoại, tiêu hủy và không cho bị cáo T biết số điện thoại của đối tượng C. Mua được ma túy, bị cáo T thuê phòng tại các nhà nghỉ trên địa bàn các thành phố D và T, tỉnh Bình Dương, chia nhỏ ma túy, bỏ vào các đoạn ống hút, hàn kín lại để bán với giá từ 200.000 (hai trăm nghìn) đồng đến 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

Bị cáo T dùng số điện thoại 0967.800.137 gắn trong điện thoại hiệu Nokia màu đen để người mua ma túy gọi. Sau đó, bị cáo T đưa ma túy và điện thoại cho bị cáo M để bị cáo M đưa bị cáo M1 cầm theo để người mua ma túy liên lạc, hẹn địa điểm giao nhận. Ngoài ra, các bị cáo T, M và M1 còn trao đổi về việc mua bán ma túy trên ứng dụng mạng xã hội Z (Bị cáo T dùng số điện thoại 0869.374.211 đăng ký tài khoản Zalo là “Khu Tao sống” và “Người Chăm Quyền”. Bị cáo M1 dùng số điện thoại 0366.263.572 đăng ký tài khoản Zalo tên là “May”. Bị cáo M dùng số điện thoại 0354789813 đăng ký tài khoản Zalo là “Mát Tích”). Các bị cáo M và M1 giúp bị cáo T phân chia ma túy, giao ma túy cho người mua và nhận tiền, được bị cáo T trả công bằng cách cho ma túy để sử dụng và cho ăn cơm.

Từ tháng 4 năm 2023 đến tháng 6 năm 2023, bị cáo T đã mua ma túy của đối tượng C 02 lần như sau:

Khoảng đầu tháng 4 năm 2023, bị cáo T mua ma túy loại Heroine của đối tượng C với giá 56.000.000 (năm mươi sáu triệu) đồng. Đối tượng D1 giao ma túy cho bị cáo T (các bên không nhớ giao dịch tại đâu vì thời gian này bị cáo T không có nơi cư trú nhất định). Bị cáo T đã bán hết lượng ma túy này và đưa đối tượng D1 đủ tiền để trả đối tượng C.

Khoảng 08 giờ ngày 19 tháng 6 năm 2023, bị cáo T mua ma túy loại Heroine của đối tượng C với giá 56.000.000 (năm mươi sáu triệu) đồng. Đối tượng C đưa ma túy để đối tượng D1 đem đến khu vực cầu Ô (thành phố T, tỉnh Bình Dương) giao cho bị cáo T và tặng bị cáo T 01 gói ma túy đá để sử dụng. Bị cáo T nhận ma túy, trả đối tượng C 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng, còn lại khi nào bán hết ma túy sẽ trả. Nhận ma túy, bị cáo T giấu vào bụi cây ven đường rồi đi về nhà.

Ngoài ra, các bị cáo cùng đối tượng G mua bán trái phép chất ma túy như sau:

Ngày 18 tháng 6 năm 2023, bị cáo T đưa đối tượng G 01 bịch ma túy và đưa bị cáo M 02 lần ma túy (mỗi lần 05 đoạn ống hút hàn kín bên trong chứa ma

túy) để đổi tượng G và bị cáo M đi bán. Bị cáo M đưa ma túy nhận từ bị cáo T cho bị cáo M1 đi bán. Sau khi bán hết, bị cáo M1 đưa bị cáo M 2.200.000 (hai triệu, hai trăm nghìn) đồng và đổi tượng G đưa bị cáo M 1.400.000 (một triệu, bốn trăm nghìn) đồng để bị cáo M đưa lại bị cáo T.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, bị cáo T đưa đổi tượng G 01 bịch ma túy và đưa bị cáo M 02 lần ma túy (mỗi lần 06 đoạn ống hút hàn kín chứa ma túy) để bị cáo M đưa bị cáo M1 đi bán. Sau khi bán hết, bị cáo M1 đưa bị cáo M 2.200.000 (hai triệu, hai trăm nghìn) đồng (còn thiếu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng do người mua chưa trả đủ) và đổi tượng G đưa bị cáo M 1.600.000 (một triệu, sáu trăm nghìn) đồng để bị cáo M đưa lại bị cáo T.

Do bị cáo T với đổi tượng G mâu thuẫn về thu chi tiền nên đổi tượng G bỏ đi và không bán ma túy cùng bị cáo T ngày 20 tháng 6 năm 2023.

Bị cáo T tàng trữ ma túy:

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, bị cáo T mua nhiều Heroine của đổi tượng C nên được đổi tượng C cho một gói nhỏ ma túy đá và bị cáo T cất giấu để sử dụng. Các bị cáo M và M1 không biết bị cáo T có gói ma túy này.

Khoảng 08 giờ ngày 20 tháng 6 năm 2023, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 54V-3463 đến nơi giấu ma túy, lấy ma túy giấu vào người rồi đến chỗ ở của các bị cáo M và M1 để chở các bị cáo M và M1 đến thuê phòng số 37 nhà nghỉ Á (thuộc Khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương) làm nơi phân chia ma túy. Bị cáo M đưa bị cáo M1 10.000 (mười nghìn) đồng để mua dao lam và ống hút. Khi bị cáo M1 về, bị cáo T dùng dao lam chia nhỏ ma túy để bị cáo M bỏ vào các đoạn ống hút do bị cáo M1 cắt thành nhiều đoạn nhỏ rồi hàn kín lại. Sau đó, bị cáo T đưa bị cáo M 05 đoạn ống hút chứa ma túy để đưa bị cáo M1 đi bán trên địa bàn thành phố D, tỉnh Bình Dương với giá 200.000 (hai trăm nghìn) đồng 01 (một) đoạn. Khi đi, bị cáo M1 dùng xe mô tô biển số 54V-3463 dùng điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có gắn SIM số 0967.800.137 nhưng do nhiều người gọi điện thoại hỏi mua ma túy nên bị cáo M1 dùng điện thoại di động hiệu iPhone 7 plus gắn SIM số 0869.374.211 gọi vào điện thoại di động hiệu Oppo A5S có gắn SIM số 0366.263.572 của bị cáo M nói chuẩn bị thêm ma túy. Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 20 tháng 6 năm 2023, bị cáo M1 đến khu vực nhà số G, Đường số C, Tổ C, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ 05 đoạn ống hút nhựa hàn kín bên trong chứa chất màu trắng (ký hiệu M1) (trong đó có 02 đoạn ống hút màu xanh, 02 đoạn ống hút màu trắng và 01 đoạn ống hút màu tím).

Do chưa biết bị cáo M1 bị bắt, bị cáo M lấy 09 đoạn ống hút chứa Heroine để trong túi quần bên phải rồi đến khu vực trước cổng nhà nghỉ Á đợi bị cáo M1 để đưa bị cáo M1 đi bán tiếp thì bị lực lượng Công an bắt, thu giữ 09 đoạn ống hút hàn kín bên trong chứa chất màu trắng (trong đó có 04 đoạn ống hút màu tím (ký hiệu M2-1), 02 đoạn ống hút màu trắng (ký hiệu M2-2), 02 đoạn ống hút màu xanh lá (ký hiệu M2-3), 01 đoạn ống hút màu xanh dương (ký

hiệu M2-4)).

Trên cơ sở lời khai của các bị cáo M1 và M, lực lượng Công an khám xét phòng số 37 nhà nghỉ Á, phát hiện trong phòng có bị cáo T, thu giữ 17 đoạn ống hút hàn kín bên trong chứa chất màu trắng (trong đó có 05 (năm) đoạn ống hút màu xanh (ký hiệu M3-2), 09 đoạn màu tím (ký hiệu M3-3), 03 (ba) đoạn màu trắng (ký hiệu M3-1)), 01 túi nylon miệng kéo dính ở trên bàn bên trong chứa chất màu trắng (ký hiệu M3-4), 12 gói nylon hàn kín đều chứa chất màu trắng (ký hiệu M3-5), 01 túi nylon miệng hở bên trong chứa chất màu trắng (ký hiệu M3-6), 01 gói giấy màu đen bên trong chứa 01 gói nylon hàn kín chứa chất màu trắng (ký hiệu M3-7), 01 gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M3-8).

Tính đến ngày bị bắt, bị cáo T thu lợi từ hoạt động bán ma túy khoảng 5.000.000 (năm triệu) đồng, đã đưa cho vợ của bị cáo T là bà Đoàn Ngọc P nhưng không cho bà P biết tiền do mua bán ma túy mà có.

Cơ quan điều tra trưng cầu giám định các chất nghi là chất ma túy thu được từ các bị cáo. Tại Kết luận giám định số 358/KL-KTHS(MT) ngày 27 tháng 6 năm 2023, Phòng K2 - Công an tỉnh B, kết luận: Chất màu trắng gửi giám định là ma túy (loại Heroine (H2), có tên khoa học là: Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất, có khối lượng/trọng lượng: 0,4850 gam (M1); 0,3890 gam (M2-1); 0,2281 gam (M2-2); 0,1831 gam (M2-3); 0,1112 gam (M2-4); 0,3152 gam (M3-1); 0,5569 gam (M3-2); 0,9320 gam (M3-3); 0,9725 gam (M3-4); 44,3465 gam (M3-5); 0,2713 gam (M3-6); 3,7213 gam (M3-7)). Tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy (loại Methamphetamine, có khối lượng/trọng lượng: 0,1152 gam (M3-8)). Trả lại đối tượng sau giám định: Mẫu vật được niêm phong (có khối lượng/trọng lượng: 0,3870 gam (M1); 0,3092gam (M2-1); 0,1587 gam (M2-2); 0,1618 gam (M2-3); 0,0788 gam (M2-4); 0,2929 gam (M3-1); 0,5188 gam (M3-2); 0,8509 gam (M3-3); 0,7045 gam (M3-4); 43,7888 gam (M3-5); 0,2143 gam (M3-6); 3,6326 gam (M3-7), 0,0793 gam (M3-8)).

Vật chứng gồm ma túy sau giám định và các vật dụng liên quan đến hành vi của các bị cáo do lực lượng Công an thu giữ như sau:

01 (một) bì thư ghi số 358/PC09 (M1), bên ngoài có chữ ký của người chứng kiến Văn Đình Thanh S1; chữ ký của cán bộ niêm phong Huỳnh Anh T3; chữ ký của người bị bắt Kha Văn M1 và dấu tròn đỏ của Công an phường T, D, Bình Dương. Ngoài ra, có chữ ký của bên nhận Phạm Hải P1, chữ ký của người chứng kiến Kha Văn M1 và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K2 Công an tỉnh B, bên trong chứa số ma túy sau giám định: 0,3870 gam (M1).

01 (một) bì thư ghi số 358/PC09 (M2), bên ngoài có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Thị C1; chữ ký của cán bộ niêm phong Hà Thúc K1 và dấu tròn đỏ của Công an phường A, T, Bình Dương. Ngoài ra có chữ ký của bên

nhận Phạm Hải P1, chữ ký của người chứng kiến Lương Văn M và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K2 Công an tỉnh B, bên trong chứa số ma túy sau giám định: 0,3092gam (M2-1); 0,1587 gam (M2-2); 0,1618 gam (M2-3); 0,0788 gam (M2-4).

01 (một) bì thư ghi số 358/PC09 (M3), bên ngoài có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Thị C1; chữ ký của người bị bắt Lương Văn M, Nguyễn Quốc T và dấu tròn đỏ của Công an phường A, T, Bình Dương. Ngoài ra có chữ ký của bên nhận Phạm Hải P1, chữ ký của người chứng kiến Lương Văn M, Nguyễn Quốc T và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K2 Công an tỉnh B, bên trong chứa số ma túy sau giám định: 0,2929 gam (M3-1); 0,5188 gam (M3-2); 0,8509 gam (M3-3); 0,7045 gam (M3-4); 43,7888 gam (M3-5); 0,2143 gam (M3-6); 3,6326 gam (M3-7), 0,0793 gam (M3-8).

01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo, màu trắng, biển số: 54V8-3463, số khung: RLCN5P110AY209875, số máy: 5P11-209875.

01 (một) cân tiểu ly, 01 (một) khẩu trang y tế màu xanh, 01 (một) nón kết màu đen, 01 (một) vỏ bao thuốc lá hiệu Yett, 02 (hai) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, 01 (hai) bao nylon chứa 20 ống hút nhựa, 02 (hai) dao lam và 02 (hai) đoạn ống hút không chứa gì.

01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, màu bạc, có số IMEI: 359128071567958, gắn SIM số: 0869.374.211.

01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia A70, loại LCD ST7735S, màu đen, có số IMEI 1: 355987220782196 và số IMEI 2: 355987220782204, gắn SIM số: 0777.694.105.

01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A15S, màu xanh, có số IMEI 1: 867690050306935 và số IMEI 2: 867690050306927, gắn 02 SIM số 0354.789.813 và số 0917.152.913.

01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A5S, màu đỏ, ốp lưng màu xanh hiệu Gucci, có số IMEI 1: 865222043505415 và số IMEI 2: 865222043505407, gắn SIM số: 0366.263.572.

01 (một) điện thoại di động Nokia 105, màu đen, bị bể màn hình, có IMEI: 352891108895901, gắn SIM số: 0967.800.137.

2.430.000 đồng (hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số 27/CT-VKSBD-P2 ngày 19 tháng 01 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, truy tố các bị cáo Lương Văn M và Kha Văn M1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu

quan điểm như sau:

Với hệ thống các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ xác định các bị cáo Nguyễn Quốc T, Lương Văn M và Kha Văn M1 phạm các tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251, điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự như nội dung Cáo trạng số 27/CT-VKSBD-P2 ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương. Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, không những thể hiện ý thức xem thường pháp luật, trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy mà còn gây mất trật tự trị an xã hội ở địa phương. Các bị cáo T, M và M1 mua bán trái phép 52,5121 gam Heroine. Bị cáo T tàng trữ trái phép 0,1152 gam Methamphetamine.

Bị cáo T có nhân thân xấu, là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, không nghề nghiệp muốn có nhiều tiền hưởng thụ cá nhân nên đã hoạt động mua bán trái phép chất ma túy nhằm thu lợi bất chính và có ma túy để sử dụng thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Các bị cáo Lương Văn M và Kha Văn M1 là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, chưa có tiền án, tiền sự và là người dân tộc thiểu số, không có nghề nghiệp ổn định nhưng muốn có ma túy để sử dụng nên đồng ý phụ giúp Nguyễn Quốc T phân chia ma túy và đi bán ma túy để được trả công bằng cách cho ma túy để sử dụng và nuôi con. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo T, M và M1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hai bị cáo M và M1 là người dân tộc thiểu số nên nhận thức có phần hạn chế là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Thái phạm các tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo M và M1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T mức án từ 17 năm đến 18 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T mức án từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T từ 18 năm đến 19 năm 6 tháng tù về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lương Văn M và Kha Văn M1 mỗi bị cáo từ 15 năm đến 16 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử lý vật chứng như sau:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì thư ghi số 358/PC09 (M1), bên trong chứa số ma túy sau giám định: 0,3870 gam (M1); 01 (một) bì thư ghi số 358/PC09 (M2), bên trong chứa số ma túy sau giám định: 0,3092gam (M2-1); 0,1587 gam (M2-2); 0,1618 gam (M2-3); 0,0788 gam (M2-4); 01 (một) bì thư ghi số 358/PC09 (M3), bên trong chứa số ma túy sau giám định: 0,2929 gam (M3-1); 0,5188 gam (M3-2); 0,8509 gam (M3-3); 0,7045 gam (M3-4); 43,7888 gam (M3-5); 0,2143 gam (M3-6); 3,6326 gam (M3-7), 0,0793 gam (M3-8); 01 (một) cân tiểu ly, màu bạc, 01 (một) khẩu trang y tế, màu xanh; 01 (một) nón kết, màu đen; 01 (một) vỏ bao thuốc lá hiệu Yett; 02 (hai) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 01 (một) túi nylon chứa 20 (hai mươi) ống hút nhựa nhiều màu khác nhau; 02 (hai) dao lam, màu đen; 02 (hai) đoạn ống hút dài, còn nguyên vẹn và không chứa gì.

Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động Nokia 105, màu đen, gắn SIM số: 0967.800.137; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A5S, màu đỏ, gắn SIM số: 0366.263.572; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia A70, loại LCD ST7735S, màu đen, gắn SIM số: 0777.694.105; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, màu trắng, gắn SIM số: 0869.374.211; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A15S, màu xanh, gắn 02 (hai) SIM số 0354.789.813 và số 0917.152.913.

01 (một) xe mô tô (nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo, màu trắng, biển số 54V8-3463) do bà Nguyễn Ngọc T4 Khuyên đứng tên chủ sở hữu, cho bị cáo T mượn nhưng không biết bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả chi K.

2.430.000 (hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn) đồng là tiền các bị cáo T, M và M1 thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy nên cần tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

5.000.000 (năm triệu) đồng bà Đoàn Ngọc P nhận từ bị cáo T là tiền thu lợi bất chính từ việc bị cáo T mua bán trái phép chất ma túy nên cần buộc bà P nộp lại để tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

Áp dụng Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí cần buộc các bị cáo T, M1 và M mỗi bị cáo chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm.

Bà Đoàn Ngọc P nhận 5.000.000 (năm triệu) đồng của bị cáo T nhưng không biết bị cáo T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối bà P là phù hợp.

Bà Nguyễn Ngọc Tú K cho bị cáo T mượn xe mô tô nhưng không biết bị cáo T dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với bà K là phù hợp.

Các bị cáo khai đối tượng Nguyễn Văn G tham gia hoạt động mua bán ma

túy với bị cáo T nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh B chưa làm việc được với đối tượng G do đối tượng G không có mặt ở địa phương, không rõ ở đâu nên đã ban hành Quyết định truy tìm số 41/QĐ-CSMT ngày 12 tháng 12 năm 2023, khi nào làm việc được với đối tượng G và xác định rõ vai trò của đối tượng G trong vụ án sẽ tiến hành xử lý theo quy định.

Những người đàn ông tên C và D1 là người bán ma túy và giao ma túy cho bị cáo T và các đối tượng mua ma túy của các bị cáo T, M và M1 do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh B sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Bị cáo T không tự bào chữa.

Bị cáo M không tự bào chữa.

Người bào chữa cho bị cáo M phát biểu: Các bị cáo đã thừa nhận các hành vi của mình nên người bào chữa không có ý kiến gì về phần tội danh của bị cáo M. Vai trò của bị cáo M trong vụ án này là hành vi giúp sức cho bị cáo T nhưng mục đích như thế nào thì chưa rõ. Chưa có chứng cứ rõ ràng về việc bị cáo M giao dịch với ai, sử dụng số điện thoại nào. Bị cáo M giúp bị cáo T phân ma túy ra mà bị cáo M lại phải chịu trách nhiệm với toàn bộ số ma túy là chưa phù hợp mà chỉ nên xác định là 11 tép và cần xác định lại mức độ hành vi của bị cáo M để có thể có hình phạt phù hợp. Chưa làm rõ được người mua là ai mà khi bắt được thì đều đang trong quá trình vận chuyển trong túi các bị cáo (các bị cáo nói là với số điện thoại đuôi 137 người mua sẽ liên lạc nhưng chưa có ai liên lạc và người mua chưa xác định được) cho dù đó là bị cáo M1 gọi về thì cũng chỉ là sự chỉ đạo của các bị cáo T và M1 chứ chưa rõ ràng là ai mua. Vai trò của bị cáo T rõ ràng là chủ mưu cầm đầu nhưng vai trò của bị cáo M đồng phạm là không rõ ràng, mờ nhạt, không biết vai trò trong mua bán thế nào, chỉ là người phân chia ma túy thôi, không phải là tham gia quá nhiều. Mặc dù ma túy là một vấn đề nhức nhối trong xã hội nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm nhưng hình phạt cho bị cáo M như đề nghị của Viện kiểm sát là quá nặng.

Bị cáo M bào chữa bổ sung: Bị cáo không biết hành vi của mình có hình phạt cao như thế và cũng chỉ vì bị nghiện ma túy mà làm như vậy.

Bị cáo M1 không tự bào chữa.

Người bào chữa cho bị cáo M1 phát biểu: Bị cáo M1 thừa nhận hành vi nên người bào chữa không có ý kiến về tội danh nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vì bị cáo là người dân tộc thiểu số, không có tiền án, tiền sự và là người giúp sức thứ yếu để cho bị cáo M1 hình phạt dưới mức thấp nhất là 15 năm tù để bị cáo được sớm trở về với xã hội.

Bị cáo M1 bổ sung: Bị cáo nghiện, không nghĩ là bị hình phạt 15 năm tù.

Kiểm sát viên tranh luận: Các bị cáo đồng phạm mua bán trái phép 52,5121 gam Heroine. Cơ quan điều tra chưa xác định được người mua ma túy gọi điện nên đã tách ra để xử lý người mua. Hành vi của các bị cáo đã rõ, đủ căn cứ xác định bị cáo T chủ mưu cầm đầu và các bị cáo còn lại giúp sức. Bị cáo M1

bị bắt quả tang từ đó bắt các bị cáo T và M nên hình phạt do đồng phạm đã được xem xét ở đầu khung hình phạt bị truy tố.

Bị cáo T trình bày ý kiến: Bị cáo bị bệnh kiết lỵ.

Người bào chữa cho bị cáo M tranh luận: Tính chất đồng phạm trong vụ án thế nào chưa làm rõ nên truy tố như thế là quá mức đối với bị cáo M.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hình phạt thấp hơn Viện kiểm sát đã đề xuất vì bị cáo đã mắc căn bệnh thế kỷ.

Bị cáo M nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được rõ hành vi của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được mức án nhẹ để bị cáo sớm trở về với xã hội.

Bị cáo M1 nói lời sau cùng: Bị cáo bị nghiện ma túy và là người dân tộc thiểu số, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra – Công an, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố, ban hành quyết định, văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại các biên bản ngày 17 tháng 10 năm 2023 (bút lục số 205 và 206), bị cáo Nguyễn Quốc T trình bày không yêu cầu ông Võ Minh T2 là Luật sư thuộc Văn phòng L1 - Đoàn Luật sư tỉnh B bào chữa vì bị cáo tự bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử. Tại phiên tòa, bị cáo T khẳng định không cần người bào chữa chỉ định do bị cáo muốn tự bào chữa cho mình. Vì vậy, căn cứ các điều 76 và 77 của Bộ luật Tố tụng hình sự, sau khi xem xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bị cáo T để bị cáo T tự bào chữa.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng mà Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố đối với các bị cáo. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với vật chứng thu được và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 18 tháng 6 năm 2023 đến ngày 20 tháng 6 năm 2023, các bị cáo Nguyễn Quốc T, Lương Văn M và Kha Văn M1 nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy cho các đối tượng nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bình Dương để lấy lãi. Ngày 20 tháng 6 năm 2023, bị cáo T mua 52,5121 gam ma túy loại Heroine, cùng các bị cáo M và M1 chia nhỏ bỏ vào các đoạn ống hút rồi hàn kín. Bị cáo T đưa cho bị cáo M

05 (năm) đoạn ông hút chứa 0,4850 gam Heroine để đưa cho bị cáo M1 đem đi bán. Bị cáo M1 giấu trong túi quần 09 (chín) đoạn ông hút chứa 0.9114 gam Heroine để tiếp tục đưa bị cáo M đi bán thì bị bắt giữ. Lượng ma túy còn lại, các bị cáo T, M và M1 chưa kịp bán bị lực lượng Công an thu giữ. Ngoài ra, bị cáo T còn cất giữ trái phép 0,1152 gam ma túy loại Methamphetamine để sử dụng.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, xâm phạm đến sự thống nhất quản lý chất ma túy của Nhà nước, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và hành vi của các bị cáo Lương Văn M và Kha Văn M1 đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Các bị cáo T, M và M1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo T, M và M1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Các bị cáo M và M1 là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật có phần hạn chế nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Các bị cáo T và M1 có trình độ học vấn thấp, có con còn nhỏ. Cân nhắc tình tiết giảm nhẹ, nhân thân và hoàn cảnh của bị cáo, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù có thời hạn.

[7] Khối lượng ma túy các bị cáo mua bán trái phép lớn hơn so với định lượng khởi điểm của trường hợp phạm tội theo quy định tại khung hình phạt được áp dụng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đề nghị của người bào chữa.

[8] Các bị cáo đồng phạm, biết rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy của nhau, thống nhất cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nên các bị cáo phải chịu chung định lượng chất ma túy để áp dụng khung hình phạt. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo M là phân hóa định lượng chất ma túy để tính khung hình phạt đối với từng bị cáo.

[9] Hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị phù hợp với quan điểm phân hóa về vai trò, tính chất, mức độ và hành vi của từng bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức đề nghị thấp nhất của đại diện Viện kiểm sát.

[10] Các bị cáo khai đối tượng Nguyễn Văn G tham gia mua bán ma túy với các bị cáo T, M và M1, là người đi bán ma túy và mang tiền về đưa cho bị cáo M để bị cáo M đưa bị cáo T. Đối tượng G dùng số điện thoại 0967800137 đăng ký tài khoản “Kẻ Phản Bội Đẻo Tha” để trao đổi mua bán ma túy với các bị cáo T, M và M1 nhưng ngày 20 tháng 6 năm 2023, mâu thuẫn với bị cáo T về thanh toán tiền trong việc mua bán ma túy nên bỏ đi đâu không rõ. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không tìm được đối tượng G do đối tượng G không có mặt ở địa phương, không rõ ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ban hành Quyết định truy tìm số 41/QĐ-CSMT ngày 12 tháng 12 năm 2023 đối với đối tượng Nguyễn Văn G để khi nào tìm được đối tượng G và xác định rõ vai trò của đối tượng G đối với vụ án sẽ xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với đối tượng Nguyễn Văn G, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh B cần tiếp tục xác minh theo quy định của pháp luật.

[11] 02 người đàn ông tên là C và D1 là người bán ma túy và giao ma túy cho bị cáo T và những người mua ma túy của các bị cáo T, M và M1 không rõ nhân thân và lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh B cần tiếp tục xác minh theo quy định của pháp luật.

[12] Cơ quan Công an thu giữ của các bị cáo ma túy loại Heroine và ma túy loại Methamphetamine. Sau khi thực hiện giám định, khối lượng ma túy loại Heroine và ma túy loại Methamphetamine còn lại là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên phải tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[13] 01 (một) cân tiểu ly, 01 (một) khẩu trang y tế màu xanh, 01 (một) nón kết màu đen, 01 (một) vỏ bao thuốc lá hiệu Yett, 02 (hai) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, 01 (hai) bao nylon chứa 20 ống hút nhựa, 02 (hai) dao lam và 02 (hai) đoạn ống hút không chứa gì là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên phải tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[14] Các điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, hiệu Nokia A70, hiệu Oppo A15S, hiệu Oppo A5S, hiệu Nokia 105 là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung (nộp) vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[15] 2.430.000 (hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn) đồng là tiền các bị cáo T, M và M1 thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy nên phải tịch thu sung (nộp) vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[16] Bà Đoàn Ngọc P là vợ của bị cáo T, nhận 5.000.000 (năm triệu) đồng từ bị cáo T đưa nhưng không biết tiền do bị cáo T phạm tội mà có nên Cơ quan

điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương không đề nghị xử lý trách nhiệm của bà P là phù hợp. Số tiền này bị cáo T thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy nên phải bị tịch thu sung (nộp) vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[17] Bà Nguyễn Ngọc Tú K là em của bị cáo T, cho bị cáo T mượn xe mô tô biển số 54V8-3463 nhưng không biết bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương không đề nghị xử lý trách nhiệm của bà K là phù hợp.

[18] Xe mô tô hai bánh biển số 54V8-3463 là tài sản thuộc sở hữu của bà K. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bà K được trả lại tài sản này.

[19] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với bị cáo và việc giải quyết vụ án phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Quan điểm của người bào chữa về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[20] Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1, 2 Điều 260; Điều 268; khoản 1 Điều 269; các khoản 1, 4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T phạm các tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, các bị cáo Lương Văn M và Kha Văn M1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 17 (mười bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Quốc T chấp hành hình phạt chung 02 (hai) tội là 18 (mười tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20 tháng 6 năm 2023.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58; của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lương Văn M 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20 tháng 6 năm 2023.

Xử phạt bị cáo Kha Văn M1 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20 tháng 6 năm 2023.

Tịch thu tiêu hủy 03 (ba) nhóm chất ma túy và các vật dụng sau đây:

01 (một) bì thư ghi số 358/PC09 (M1), bên ngoài có chữ ký của người chứng kiến Văn Đình Thanh S1; chữ ký của cán bộ niêm phong Huỳnh Anh T3; chữ ký của người bị bắt Kha Văn M1 và dấu tròn đỏ của Công an phường T, D, Bình Dương. Ngoài ra, có chữ ký của bên nhận Phạm Hải P1, chữ ký của người chứng kiến Kha Văn M1 và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K2 Công an tỉnh B, theo Kết luận giám định số 358/KL-KTHS (MT) ngày 27/6/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh B.

01 (một) bì thư ghi số 358/PC09 (M2), bên ngoài có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Thị C1; chữ ký của cán bộ niêm phong Hà Thúc K1 và dấu tròn đỏ của Công an phường A, T, Bình Dương. Ngoài ra có chữ ký của bên nhận Phạm Hải P1, chữ ký của người chứng kiến Lương Văn M và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K2 Công an tỉnh B, theo Kết luận giám định số 358/KL-KTHS (MT) ngày 27/6/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh B.

01 (một) bì thư ghi số 358/PC09 (M3), bên ngoài có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Thị C1; chữ ký của người bị bắt Lương Văn M, Nguyễn Quốc T và dấu tròn đỏ của Công an phường A, T, Bình Dương. Ngoài ra có chữ ký của bên nhận Phạm Hải P1, chữ ký của người chứng kiến Lương Văn M, Nguyễn Quốc T và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K2 Công an tỉnh B, theo Kết luận giám định số 358/KL-KTHS (MT) ngày 27/6/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh B.

01 (một) cân tiểu ly.

01 (một) khẩu trang y tế màu xanh.

01 (một) nón kết màu đen.

01 (một) vỏ bao thuốc lá hiệu Yett.

02 (hai) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá.

01 (hai) bao nylon chứa 20 ống hút nhựa.

02 (hai) dao lam.

02 (hai) đoạn ống hút không chứa gì.

Tịch thu sung (nộp) vào ngân sách Nhà nước các tài sản và khoản tiền sau đây:

01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus màu bạc, có số IMEI: 359128071567958, có gắn 01 SIM bên trong, tình trạng cũ đã qua sử dụng, màn hình bị bể, không kiểm tra được tình trạng hoạt động.

01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia A70 màu đen, có số IMEI : 355987220782196, có gắn 01 SIM bên trong, tình trạng cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động.

01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A15S màu xanh, có số IMEI: 867690050306935, gắn 02 SIM bên trong, tình trạng cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động.

01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A5S màu đỏ, có số IMEI: 865222043505415, có gắn 01 SIM bên trong, tình trạng cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động.

01 (một) điện thoại di động Nokia 105 màu đen, có số IMEI: 352891108895901, có gắn 01 SIM bên trong, tình trạng cũ đã qua sử dụng, màn hình bị bể, không kiểm tra tình trạng hoạt động.

2.430.000 (hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn) đồng.

Trả bà Nguyễn Ngọc Tú K 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo, dung tích xylanh 132cm³, biển số: 54V8-3463, có số khung, số máy không đổi. Số khung: RLCN5P 110AY209875, số máy: 5P11-209875, theo Kết luận giám định số 809/KL-KTHS ngày 02/8/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh B. Tình trạng xe cũ đã qua sử dụng, không kính chiếu hậu, không chìa khóa xe, không kiểm tra máy bên trong.

(Các vật chứng được ghi nhận trong Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 12 tháng 01 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương).

Tịch thu sung (nộp) vào ngân sách Nhà nước 5.000.000 (năm triệu) đồng tiền thu lợi bất chính của bị cáo Nguyễn Quốc T (bà Đoàn Ngọc P có trách nhiệm nộp).

Các bị cáo Nguyễn Quốc T, Lương Văn M và Kha Văn M1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Bình Dương (3);
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương (3);
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án (6);
- Người bào chữa (2);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (2);
- Bị cáo (3);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (thay văn bản thông báo) (3);
- Lưu VP (4), hồ sơ vụ án. THMD. (34).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng An Thanh